

9. TỈNH BẮC NINH

DANH SÁCH

**Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030**

*(Kèm Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 tháng 01 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)*

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng	713	593	578	164
1	Xã Vân Sơn	8	8	8	7
		1 Thôn Phe	X	X	X
		2 Thôn Khả	X	X	X
		3 Thôn Gà	X	X	X
		4 Thôn Nà Vàng	X	X	
		5 Thôn Sản	X	X	X
		6 Thôn Sản 3	X	X	X
		7 Thôn Dân	X	X	X
		8 Thôn Dân 3	X	X	X
2	Xã Yên Định	12	12	12	8
		1 Thôn Tiên Lý	X	X	X
		2 Thôn Trại Chùa	X	X	
		3 Thôn Nhân Định	X	X	
		4 Thôn Đồng Chu	X	X	
		5 Thôn Đồng Hả	X	X	
		6 Thôn Khe Tấu	X	X	X
		7 Thôn Cẩm Đàn	X	X	X
		8 Thôn Gốc Gạo	X	X	X
		9 Thôn Thượng	X	X	X
		10 Thôn Đồng Bưa	X	X	X
		11 Thôn Trại Răng	X	X	X
		12 Thôn Rộc Nậy	X	X	X
3	Xã Sơn Động	33	33	33	17
		1 Thôn Hạ 1	X	X	X
		2 Thôn Lừa	X	X	X
		3 Thôn Ké	X	X	X
		4 Thôn Mỏ	X	X	X
		5 Thôn Cại	X	X	X
		6 Thôn Đình	X	X	X
		7 Thôn Lái	X	X	X
		8 Thôn An Bá	X	X	X
		9 Thôn Hai	X	X	X
		10 Thôn Đồng Dầu	X	X	X
		11 Thôn Đồng Tàn	X	X	X
		12 Thôn Chao	X	X	X

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		13 Thôn Hiệp Reo	X	X	X
		14 Thôn Luông Doan	X	X	X
		15 Thôn Đặng	X	X	X
		16 Thôn Ao Bông	X	X	X
		17 Thôn Đồng Mặn	X	X	X
		18 Thôn Thượng 1	X	X	
		19 Thôn Phe	X	X	
		20 Thôn Thượng 2	X	X	
		21 Thôn Hạ 2	X	X	
		22 Thôn Lốt	X	X	
		23 Thôn Số 1	X	X	
		24 Thôn Số 3	X	X	
		25 Thôn Số 4	X	X	
		26 Thôn Số 5	X	X	
		27 Thôn Vá	X	X	
		28 Thôn Mai Hiên	X	X	
		29 Thôn Mặn	X	X	
		30 Thôn Chảo	X	X	
		31 Thôn Làng Chẽ	X	X	
		32 Thôn Mật	X	X	
		33 Thôn Phú Hưng	X	X	
4	Xã An Lạc	16	16	16	16
		1 Thôn Nà Trắng	X	X	X
		2 Thôn Kim Bảng	X	X	X
		3 Thôn Biêng	X	X	X
		4 Thôn Nà Ó	X	X	X
		5 Thôn Đồng Bậy	X	X	X
		6 Thôn Thác	X	X	X
		7 Thôn Đồng Khao	X	X	X
		8 Thôn Đồng Bài	X	X	X
		9 Thôn Đồng Dương	X	X	X
		10 Thôn Rống	X	X	X
		11 Thôn Lọ	X	X	X
		12 Thôn Chung Sơn	X	X	X
		13 Thôn Lạnh	X	X	X
		14 Thôn Tân Chung	X	X	X
		15 Thôn Thía Tu Nim	X	X	X
		16 Thôn Thanh Trà	X	X	X
5	Đại Sơn	19	19	19	12
		1 Thôn Trung Sơn	X	X	
		2 Thôn Tân Hiệp	X	X	
		3 Thôn Đồng Chanh	X	X	
		4 Thôn Làng Khang	X	X	
		5 Thôn Đồng Cây	X	X	X
		6 Thôn Tân Trung	X	X	
		7 Thôn Tân Sơn	X	X	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		8 Thôn Khuân Cầu	X	X	X
		9 Thôn Nam Sơn	X	X	
		10 Thôn Đồng Cao	X	X	X
		11 Thôn Đồng Băm	X	X	X
		12 Thôn Non Tá	X	X	X
		13 Thôn Đồng Mương	X	X	X
		14 Thôn Thước	X	X	X
		15 Thôn Mới	X	X	X
		16 Thôn Đá Cối	X	X	X
		17 Thôn Rèm	X	X	X
		18 Thôn Gốc Sau	X	X	X
		19 Thôn Việt Tiến	X	X	X
6	Xã Biển Động	26	22	26	4
		1 Thôn Cầu Vòng	X	X	
		2 Thôn Hồ	X	X	
		3 Thôn Hợp Thành	X	X	
		4 Thôn Quéo	X	X	
		5 Thôn Thuận A	X	X	
		6 Thôn Thuận B	X	X	
		7 Thôn Vách Gạo	X	X	
		8 Thôn Thích	X	X	
		9 Thôn Thác Dèo	X	X	
		10 Thôn Ván A	X	X	
		11 Thôn Ván B	X	X	
		12 Thôn Khuôm	X	X	
		13 Thôn Hòa Thanh	X	X	
		14 Thôn Lập Thành	X	X	X
		15 Thôn Đồng Răng	X	X	X
		16 Thôn Đồng Phúc	X	X	X
		17 Thôn Đồng Láy	X	X	X
		18 Thôn Thùng Thình	X	X	
		19 Thôn Biển Dưới		X	
		20 Thôn Phố Biển		X	
		21 Thôn Biển Giữa		X	
		22 Thôn Biển Trên		X	
		23 Thôn Thảo	X	X	
		24 Thôn Khuyên Quéo	X	X	
		25 Thôn Ba Lều	X	X	
		26 Thôn Đồng Man	X	X	
7	Xã Dương Hưu	13	13	13	7
		1 Thôn Tàu	X	X	X
		2 Thôn Thượng	X	X	X
		3 Thôn Hạ	X	X	X
		4 Thôn Đăng	X	X	X
		5 Thôn Thanh Hương	X	X	X
		6 Thôn Mực	X	X	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7 Thôn Thoi	X	X	
		8 Thôn Đồng Riều	X	X	
		9 Thôn Thán	X	X	
		10 Thôn Đồng Làng	X	X	X
		11 Thôn Đồng Mạ	X	X	
		12 Thôn Mừng	X	X	X
		13 Thôn Bán	X	X	
8	Xã Đồng Kỳ	39	38	30	2
		1 Bản Trại Mía	X	X	X
		2 Bản Trại Tre (ĐV)	X	X	X
		3 Bản Bình Minh	X	X	
		4 Bản Đồng Đăng	X	X	
		5 Bản La Lanh	X	X	
		6 Bản Tràng Bẩn	X	X	
		7 Bản La Xa	X	X	
		8 Bản Thái Hà (ĐV)	X	X	
		9 Bản Đồng Vương	X	X	
		10 Bản Đồng Tân	X	X	
		11 Bản Cầu Tư	X	X	
		12 Bản Làng Ba	X	X	
		13 Thôn Trại Hồng	X	X	
		14 Thôn Trại Hồng Nam	X		
		15 Thôn Đền Giếng	X	X	
		16 Thôn Trại Nhất	X	X	
		17 Thôn Trại Sáu	X		
		18 Thôn Đồng Nghĩa	X		
		19 Bản Trại Nhì	X		
		20 Bản Đền Hồng	X	X	
		21 Thôn Cống Huyện	X		
		22 Thôn Đồng Tâm	X		
		23 Thôn Ngò 1	X		
		24 Thôn Ngò 2	X	X	
		25 Thôn Trại Đảng	X	X	
		26 Thôn Đồng Lân	X		
		27 Thôn Trại Chuối 2	X		
		28 Thôn Gia Bình		X	
		29 Thôn Trại Mới	X	X	
		30 Thôn Suối Dọc	X	X	
		31 Thôn Cống Châu	X	X	
		32 Thôn Đèo Cà	X	X	
		33 Thôn Đèo Sặt	X	X	
		34 Thôn Trại Tre (ĐH)	X	X	
		35 Thôn Ao Gáo	X	X	
		36 Thôn Trại Vành	X	X	
		37 Thôn Thái Hà (ĐH)	X	X	
		38 Thôn Mỏ Hương	X	X	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		39 Thôn Bãi Gianh	X	X	
9	Xã Tân Sơn	19	11	19	11
		1 Thôn Bến	X	X	X
		2 Thôn Họa		X	X
		3 Thôn Bả	X	X	X
		4 Thôn Cẩm		X	X
		5 Thôn Ao Vương	X	X	X
		6 Thôn Chăm Khon	X	X	X
		7 Thôn Mới		X	X
		8 Thôn Bắc Hoa	X	X	X
		9 Thôn Đồng Dau	X	X	
		10 Thôn Hả		X	
		11 Thôn Hóa		X	
		12 Thôn Khuôn Kén	X	X	X
		13 Thôn Khuôn Phải	X	X	
		14 Thôn Khuôn Tỏ	X	X	X
		15 Thôn Mòng A		X	X
		16 Thôn Mòng B		X	
		17 Thôn Mẩn		X	
		18 Thôn Phố Chợ	X	X	
		19 Thôn Thác Lười	X	X	
10	Xã Đèo Gia	23	23	23	4
		1 Thôn Khả Lã	X	X	
		2 Thôn Khả Lã 2	X	X	
		3 Thôn Khả Lã 3	X	X	
		4 Thôn Khả Lã 5	X	X	
		5 Thôn Tân Hồng	X	X	
		6 Thôn Trại Thập	X	X	
		7 Thôn Đồng Con 1	X	X	
		8 Thôn Đồng Con 2	X	X	
		9 Thôn Tân Tiến	X	X	
		10 Thôn Hòa Trong	X	X	X
		11 Thôn Đồng Tâm	X	X	
		12 Thôn Hòa Thịnh	X	X	
		13 Thôn Luồng	X	X	
		14 Thôn Tân Bình	X	X	
		15 Thôn Cà Phê	X	X	
		16 Thôn Lại Tân	X	X	
		17 Thôn Công Luộc	X	X	X
		18 Thôn Đèo Gia	X	X	X
		19 Thôn Đồng Bụt	X	X	X
		20 Thôn Xạ To	X	X	
		21 Thôn Xạ Nhỏ	X	X	
		22 Thôn Thung	X	X	
		23 Thôn Ruồng	X	X	
11	Xã Tam Tiến	31	24	31	2

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		1 Thôn Mỏ Trạng	X	X	
		2 Thôn Diễn	X	X	
		3 Thôn Núi Lim	X	X	
		4 Thôn Chàm	X	X	
		5 Thôn Thị Cùg	X	X	
		6 Thôn Hồ Tre	X	X	
		7 Thôn Bãi Lát	X	X	
		8 Thôn Quỳnh Lâu	X	X	
		9 Thôn Rừng Dài	X	X	
		10 Thôn Trại Lót	X	X	
		11 Thôn Núi Bà	X	X	
		12 Thôn Đồng Tiên	X	X	
		13 Thôn An Châu		X	
		14 Thôn Tân An		X	
		15 Thôn An Thành		X	
		16 Thôn Hồng Lĩnh	X	X	
		17 Thôn Đồng Bực	X	X	
		18 Thôn Cầu Đá	X	X	
		19 Thôn Cầu Thầy		X	
		20 Thôn Lan Thượng		X	
		21 Thôn Non Sáu		X	
		22 Thôn Tân Vân		X	
		23 Thôn Hồ Luông	X	X	
		24 Thôn Tiến Bộ	X	X	
		25 Thôn Tiến Thịnh	X	X	
		26 Thôn La Thành	X	X	
		27 Thôn Song Sơn	X	X	X
		28 Thôn Tiến Trung	X	X	
		29 Thôn Rừng Chiềng	X	X	X
		30 Thôn Hợp Thắng	X	X	
		31 Thôn Đồng Cờ	X	X	
12	Xã Sa Lý	9	9	9	5
		1 Thôn Đồn Cây Lâm	X	X	X
		2 Thôn Xé Mòng	X	X	X
		3 Thôn Răng	X	X	X
		4 Thôn Đẳng	X	X	
		5 Thôn Trạm	X	X	
		6 Thôn Na Lang	X	X	X
		7 Thôn Nũn	X	X	X
		8 Thôn Cả	X	X	
		9 Thôn Giàng	X	X	
13	Xã Tuấn Đạo	12	11	12	6
		1 Thôn Nghèo	X	X	
		2 Thôn Tuấn An	X	X	
		3 Thôn Đồng Tâm	X	X	
		4 Thôn Đồng Mé	X	X	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		5 Thôn Sầy	X	X	
		6 Thôn Linh Phú		X	
		7 Thôn Đồng Xuân	X	X	X
		8 Thôn Đồng Bảo Tuấn	X	X	X
		9 Thôn Tuấn Sơn	X	X	X
		10 Thôn Am Hà	X	X	X
		11 Thôn Nam Bồng	X	X	X
		12 Thôn Mừng	X	X	X
14	Xã Lục Sơn	26	17	26	9
		1 Thôn Vĩnh Hồng	X	X	X
		2 Thôn Vĩnh Ninh	X	X	X
		3 Thôn Vĩnh Tân		X	
		4 Thôn Đèo Quạt	X	X	
		5 Thôn Rừng Long	X	X	
		6 Thôn Hồ Lao	X	X	X
		7 Thôn Đồng Vành 2	X	X	X
		8 Thôn Đồng Vành 1	X	X	X
		9 Thôn Góc Dẻ	X	X	X
		10 Thôn Đám Trì		X	
		11 Thôn Văn Non	X	X	X
		12 Thôn Chồi 1		X	
		13 Thôn Chồi 2	X	X	
		14 Thôn Thọ Sơn		X	
		15 Thôn Đồng Hiệu	X	X	X
		16 Thôn Bãi Đá	X	X	
		17 Thôn Bình Yên		X	
		18 Thôn Xóm Làng		X	
		19 Thôn Hòa Bình	X	X	
		20 Thôn Bình Giang		X	
		21 Thôn Thần Đồng		X	
		22 Thôn Đồng Giàng		X	
		23 Thôn Bãi Cả	X	X	
		24 Thôn Đồng Đỉnh	X	X	
		25 Thôn Tân Mộc	X	X	
		26 Thôn Nghè Mản	X	X	X
15	Xã Sơn Hải	11	10	11	9
		1 Thôn Cái Cặn	X	X	
		2 Thôn Khuôn Trang	X	X	X
		3 Thôn Hợp Thành	X	X	X
		4 Thôn Đồng Phai	X	X	X
		5 Thôn Na Hem	X	X	
		6 Thôn Héo A		X	X
		7 Thôn Cỏ Vài	X	X	X
		8 Thôn Tam Chẽ	X	X	X
		9 Thôn Cầu Sắt	X	X	X
		10 Thôn Đáp	X	X	X

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		11 Thôn Đồng Mậm	X	X	X
16	Xã Tây Yên Tử	11	6	11	9
		1 Thôn Mậu	X	X	X
		2 Thôn Thanh Chung	X	X	X
		3 Thôn Bài	X	X	X
		4 Thôn Đoàn Kết		X	
		5 Thôn Đồng Rì		X	
		6 Thôn Thống Nhất		X	X
		7 Thôn Néo	X	X	X
		8 Thôn Náng		X	X
		9 Thôn Thanh Hà	X	X	X
		10 Thôn Gà	X	X	X
		11 Thôn Rón		X	X
17	Xã Biên Sơn	21	19	21	11
		1 Thôn Suối Chạc	X	X	X
		2 Thôn Rì	X	X	X
		3 Thôn Chả		X	
		4 Thôn Vừa Trong	X	X	X
		5 Thôn Vừa Ngoài	X	X	
		6 Thôn Cầu Nhac	X	X	X
		7 Thôn Niêng	X	X	
		8 Thôn Cống Lâu	X	X	X
		9 Thôn Quán Cà	X	X	X
		10 Thôn Dọc Đình	X	X	X
		11 Thôn Hồng Sơn		X	
		12 Thôn Cãi	X	X	
		13 Thôn Tuấn Sơn	X	X	
		14 Thôn Nén Bầu	X	X	X
		15 Thôn Phố Luồng	X	X	
		16 Thôn Trại Mới	X	X	X
		17 Thôn Hiệp Sơn	X	X	
		18 Thôn Bình Lửa	X	X	X
		19 Thôn Xé Khuyên	X	X	X
		20 Thôn Đức Thắng	X	X	
		21 Thôn Khuân Rẻo	X	X	
18	Xã Xuân Lương	36	34	36	8
		1 Bản Xuân Môi	X	X	
		2 Bản Na Lu	X	X	
		3 Bản Làng Dưới		X	
		4 Bản Nam Cầu		X	
		5 Bản Mỏ	X	X	
		6 Bản Tam Kha	X	X	
		7 Bản Đồng Gia	X	X	
		8 Bản Làng Trên	X	X	
		9 Bản Cầu Nhãn	X	X	
		10 Bản Đồng Gián	X	X	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		11 Bản Nghè	X	X	
		12 Bản Thượng Đồng	X	X	
		13 Bản Ven	X	X	
		14 Bản Xoan	X	X	
		15 Bản Khuôn Đống	X	X	
		16 Bản Đống Cao	X	X	
		17 Bản Chay	X	X	
		18 Bản Đình	X	X	
		19 Bản Thia	X	X	
		20 Bản Đồng Cả	X	X	
		21 Bản Trại Sông	X	X	X
		22 Bản Góc Dối	X	X	X
		23 Bản Còn Trang	X	X	X
		24 Bản Ao Tuần	X	X	
		25 Bản Dốc Đơ	X	X	X
		26 Bản Lò Than	X	X	X
		27 Bản Nà Táng	X	X	
		28 Bản Đồn	X	X	
		29 Bản Trại Nấm	X	X	
		30 Bản Trại Hạ	X	X	
		31 Bản Trại Mới	X	X	
		32 Bản Đồng An	X	X	X
		33 Bản Cây Thị	X	X	X
		34 Bản Khe Ngọn	X	X	
		35 Bản Góc Bòng	X	X	
		36 Bản Cây Vối	X	X	X
19	Xã Trường Sơn	26	19	26	8
		1 Thôn Khe Sâu	X	X	X
		2 Thôn Nhân Lý	X	X	
		3 Thôn Chẽ		X	
		4 Thôn Điểm Rén	X	X	
		5 Thôn Đồng		X	
		6 Thôn Lầm		X	
		7 Thôn Chằm	X	X	
		8 Thôn Múc		X	
		9 Thôn Mới		X	
		10 Thôn Tân Thành		X	
		11 Thôn Trại Ổi	X	X	X
		12 Thôn Cầu Gồ	X	X	X
		13 Thôn Vua Bà	X	X	X
		14 Thôn Đồng Mạ	X	X	
		15 Thôn Mỏ Sẻ	X	X	
		16 Thôn Bãi Gạo	X	X	
		17 Thôn Đình Gàng		X	
		18 Thôn Ao Vè	X	X	
		19 Thôn Đồng Mận	X	X	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		20 Thôn Trại Lán	X	X	X
		21 Thôn Đồng Quân	X	X	X
		22 Thôn Tranh	X	X	
		23 Thôn Ry	X	X	
		24 Thôn Ao Sen	X	X	
		25 Thôn Trại Găng	X	X	X
		26 Thôn Bắc Máng	X	X	X
20	Xã Nghĩa Phương	32	17	27	2
		1 Thôn Tòng Lệnh 1		X	
		2 Thôn Tòng Lệnh 2		X	
		3 Thôn Tòng Lệnh 3		X	
		4 Thôn An Phúc	X	X	
		5 Thôn Đồng Chè	X	X	
		6 Thôn Dùm	X	X	
		7 Thôn Đồng Man	X	X	X
		8 Thôn Mường Làng	X	X	X
		9 Thôn Hồ Nước	X	X	
		10 Thôn Bãi Ô	X		
		11 Thôn Ba Gò	X	X	
		12 Thôn Quỳnh Sành		X	
		13 Thôn Quỳnh Cả		X	
		14 Thôn Ngạc Làng		X	
		15 Thôn Tân Hương	X		
		16 Thôn Tó	X	X	
		17 Thôn Kỳ Sơn		X	
		18 Thôn Suối Ván	X	X	
		19 Thôn Trí Yên	X		
		20 Thôn Phụng Hoàng	X		
		21 Thôn Dốc Lĩnh	X	X	
		22 Thôn Tè	X		
		23 Thôn Ngạc Lâu		X	
		24 Thôn Vàng Ngọc		X	
		25 Thôn Liên Giang		X	
		26 Thôn Liên Khuyên		X	
		27 Thôn Chùa	X	X	
		28 Thôn Nghè	X	X	
		29 Thôn Bãi Dài		X	
		30 Thôn Nam Sơn		X	
		31 Thôn Lương Khoai		X	
		32 Thôn An Sơn		X	
21	Xã Nam Dương	17	9	17	4
		1 Thôn Lâm	X	X	
		2 Thôn Cảnh	X	X	
		3 Thôn Thủ Dương		X	
		4 Thôn Nam Sơn		X	
		5 Thôn Bến Huyện	X	X	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		6 Thôn Hòn Tròn		X	
		7 Thôn Biềng		X	
		8 Thôn Nam Điện		X	
		9 Thôn Cầu Meo		X	
		10 Thôn Tân Giáo	X	X	X
		11 Thôn Tân Mộc	X	X	X
		12 Thôn Tân Thành	X	X	
		13 Thôn Hoa Quảng	X	X	
		14 Thôn Đồng Quýt		X	
		15 Thôn Đồng Ấu	X	X	X
		16 Thôn Tân Trung		X	
		17 Thôn Tân Đồng	X	X	X
22	Xã Bảo Đài	14	12	11	2
		1 Thôn Hòn Ngọc	X	X	
		2 Thôn Bắc Bình		X	
		3 Thôn Trại Trầm	X	X	
		4 Thôn Bãi Lồi	X	X	X
		5 Thôn Hồ Giẻ	X		X
		6 Thôn Bãi Chánh	X		
		7 Thôn Hồ Sơn 1	X	X	
		8 Thôn Hồ Sơn 2	X	X	
		9 Thôn Huê Vận 1	X	X	
		10 Thôn Huê Vận 2		X	
		11 Thôn Đoái	X		
		12 Thôn Đồng Cống	X	X	
		13 Thôn Quất Sơn	X	X	
		14 Thôn Hồ Lương	X	X	
23	Xã Kiên Lao	27	25	27	1
		1 Thôn An Toàn	X	X	
		2 Thôn Ao Keo	X	X	
		3 Thôn Bản Hạ	X	X	
		4 Thôn Bản Mùi Phú	X	X	
		5 Thôn Bằng Công		X	
		6 Thôn Cai Lẻ	X	X	
		7 Thôn Cẩm Hoàng	X	X	
		8 Thôn Cẩm Vải	X	X	
		9 Thôn Cầu Mừng	X	X	
		10 Thôn Chùa Rào	X	X	
		11 Thôn Cống	X	X	
		12 Thôn Đèo Cạn	X	X	
		13 Thôn Giữa	X	X	
		14 Thôn Hà	X	X	
		15 Thôn Hồ Bông	X	X	
		16 Thôn Hộ	X	X	
		17 Thôn Khuôn Thần	X	X	X
		18 Thôn Lam Sơn		X	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		19 Thôn Minh Sơn	X	X	
		20 Thôn Nguồn	X	X	
		21 Thôn Nóng	X	X	
		22 Thôn Nương	X	X	
		23 Thôn Phụng Năng	X	X	
		24 Thôn Rừng Gai	X	X	
		25 Thôn Tân Thành	X	X	
		26 Thôn Trại Giáp	X	X	
		27 Thôn Trung Mới	X	X	
24	Xã Bồ Hạ	38	9	38	0
		1 Thôn Dinh Tiến		X	
		2 Thôn Vòng Huyện		X	
		3 Thôn Gia Lâm		X	
		4 Thôn Thống Nhất		X	
		5 Thôn Tân Tiến		X	
		6 Thôn Hòa Bình		X	
		7 Thôn Đồng Lều		X	
		8 Thôn Tân An		X	
		9 Thôn Đồng Quán		X	
		10 Thôn Sỏi		X	
		11 Thôn Tân Xuân		X	
		12 Thôn Xuân Lan		X	
		13 Thôn Liên Tân		X	
		14 Thôn Hồ Dích	X	X	
		15 Thôn Ao Cạn	X	X	
		16 Thôn Trường Sơn		X	
		17 Thôn Vi Sơn	X	X	
		18 Thôn Đồi Hồng	X	X	
		19 Thôn Cà Ngo		X	
		20 Thôn Gia Bình	X	X	
		21 Thôn Bến Trăm	X	X	
		22 Thôn Đông Kênh		X	
		23 Thôn Đồi Lánh		X	
		24 Thôn Đền Trắng		X	
		25 Thôn Đền Quỳnh		X	
		26 Thôn Bò Chợ		X	
		27 Thôn Cầu Gụ		X	
		28 Thôn Hồ Tiến	X	X	
		29 Thôn Cầu Tiến		X	
		30 Thôn Bò Non		X	
		31 Thôn Đình		X	
		32 Thôn Yên Bái		X	
		33 Thôn Bờ Mạn		X	
		34 Thôn Mỏ	X	X	
		35 Thôn Rừng	X	X	
		36 Thôn Làng		X	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		37 Thôn Chùa		X	
		38 Thôn Vàng		X	
25	Phường Chũ	40	40	0	0
		1 TDP Thượng Phương Sơn	X		
		2 TDP Lường	X		
		3 TDP Kép 1	X		
		4 TDP Hiệp Ca	X		
		5 TDP Ngọt	X		
		6 TDP Chính	X		
		7 TDP Bồng 1	X		
		8 TDP Bồng 2	X		
		9 TDP Tân Trường	X		
		10 TDP Hồ Quế	X		
		11 TDP Giáp Hạ	X		
		12 TDP Lai Cách	X		
		13 TDP Đồi Đỏ Cẩm Vũ	X		
		14 TDP Giáp Trung	X		
		15 TDP Tân Giáp	X		
		16 TDP Giáp Thượng	X		
		17 TDP Quý Thượng	X		
		18 TDP Bùng Ruộng	X		
		19 TDP Bùng Núi	X		
		20 TDP Xẻ Mới	X		
		21 TDP Bùng Rộng	X		
		22 TDP Bãi Dài Cẩm Hoà	X		
		23 TDP Cầu Đèn	X		
		24 TDP Vàng	X		
		25 TDP Đồng Tuấn	X		
		26 TDP Hà Thanh	X		
		27 TDP Góc Vôi	X		
		28 TDP Hợp Thành	X		
		29 TDP Mịn Con	X		
		30 TDP Sậy	X		
		31 TDP Sậy To	X		
		32 TDP Thanh An	X		
		33 TDP Thanh Tân	X		
		34 TDP Thông	X		
		35 TDP Ổi	X		
		36 TDP Mới	X		
		37 TDP Nhập Thành	X		
		38 TDP Trung Nghĩa	X		
		39 TDP Cầu Cát	X		
		40 TDP Hồ Sen	X		
26	Phường Phụng Sơn	20	20	0	0
		1 TDP Tư Một	X		
		2 TDP Tư Hai	X		

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		3 TDP Số Tư	X		
		4 TDP Đồng Giao	X		
		5 TDP Số Ba	X		
		6 TDP Đoàn Kết	X		
		7 TDP Hai Cũ	X		
		8 TDP Hai Mới	X		
		9 TDP Trại Ba	X		
		10 TDP Giành Cũ	X		
		11 TDP Giành Mới	X		
		12 TDP Quý Thịnh	X		
		13 TDP Thum Cũ	X		
		14 TDP Thum Mới	X		
		15 TDP Bắc Một	X		
		16 TDP Bắc Hai	X		
		17 TDP Phi Lễ	X		
		18 TDP Trại Cháy	X		
		19 TDP Đồng Trắng	X		
		20 TDP Trại 1	X		
27	Xã Kép	17	17	0	0
		1 Thôn Đồng Thủy	X		
		2 Thôn Cây	X		
		3 Thôn Hưởng 6	X		
		4 Thôn Khuân Giàn	X		
		5 Thôn Hưởng 8	X		
		6 Thôn Quỳnh	X		
		7 Thôn Tiên Sơn	X		
		8 Thôn Hương Thân	X		
		9 Thôn Hồ Cao	X		
		10 Thôn Hèo	X		
		11 Thôn Đôn 19	X		
		12 Thôn Đôn Cầu Bằng	X		
		13 Thôn Phú Lợi	X		
		14 Thôn Chí Mù	X		
		15 Thôn Cánh Phụng	X		
		16 Thôn Càn Cốc	X		
		17 Thôn Đồng Tâm	X		
28	Xã Đông Phú	30	15	30	
		1 Thôn Hồ Nứa	X	X	
		2 Thôn Cây Đa	X	X	
		3 Thôn Trại Va	X	X	
		4 Thôn Đoàn Tùng	X	X	
		5 Thôn Trại Mít	X	X	
		6 Thôn Trại Quan	X	X	
		7 Thôn Tân Dân	X	X	
		8 Thôn Quan 1		X	
		9 Thôn Đông Hương	X	X	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		10 Thôn Trại Ruộng	X	X	
		11 Thôn Đồng Cống	X	X	
		12 Thôn Đông Sơn	X	X	
		13 Thôn Đồng Tân	X	X	
		14 Thôn Cai Vàng	X	X	
		15 Thôn Trong		X	
		16 Thôn Thanh Sơn		X	
		17 Thôn Lương Ban		X	
		18 Thôn Đồng Tiến		X	
		19 Thôn Gấn		X	
		20 Thôn Ngoài		X	
		21 Thôn Ải		X	
		22 Thôn Yên Bắc		X	
		23 Thôn Phong Quang	X	X	
		24 Thôn Va		X	
		25 Thôn Tân Tiến		X	
		26 Thôn Đức Giang		X	
		27 Thôn Đức Tiến		X	
		28 Thôn Đạo Lưới	X	X	
		29 Thôn Trường Khanh		X	
		30 Thôn Lãng Sơn		X	
29	Xã Yên Thế	35	35	3	0
		1 Thôn Cả Trọng	X		
		2 Thôn Đề Năm	X		
		3 Thôn Cả Dinh	X		
		4 Thôn Bà Ba	X		
		5 Thôn Hồi	X		
		6 Thôn Đồng Nhân	X		
		7 Thôn Chẽ	X		
		8 Thôn Phan	X		
		9 Thôn Đề Thám	X		
		10 Thôn Liên Cơ	X		
		11 Thôn Tân Sỏi	X		
		12 Thôn Tân Kỳ	X		
		13 Thôn Tân Hồng	X		
		14 Thôn Hồng Lạc	X		
		15 Thôn Tân Mai	X		
		16 Thôn Tiểu	X		
		17 Thôn Đền	X		
		18 Thôn Vàng	X		
		19 Thôn Thiều	X		
		20 Thôn Trại Cả	X		
		21 Thôn Cây Gạo	X		
		22 Thôn Chi Chèo	X		
		23 Thôn Tân Gia	X		
		24 Thôn Đồng Bông	X		

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		25 Thôn Am	X		
		26 Thôn Chùa	X		
		27 Thôn Địa	X		
		28 Thôn Đồng Gia	X		
		29 Thôn Đồng Bài	X		
		30 Thôn Trại Cọ	X		
		31 Thôn Đồng Mơ	X		
		32 Thôn Yên Thế	X		
		33 Thôn Đồng Hom	X	X	
		34 Bản Đồng Thép	X	X	
		35 Thôn Đền Cô	X	X	
30	Xã Lục Ngạn	43	41	43	0
		1 Thôn Phì	X	X	
		2 Thôn Mai Tô	X	X	
		3 Thôn Chay	X	X	
		4 Thôn Cầu Chét	X	X	
		5 Thôn Cầu Sài	X	X	
		6 Thôn Vật Ngoài	X	X	
		7 Thôn Thanh Văn 1	X	X	
		8 Thôn Thanh Văn 2	X	X	
		9 Thôn Vật Phú	X	X	
		10 Thôn Ao Nhân	X	X	
		11 Thôn Xóm Cũ	X	X	
		12 Thôn Khuân Lương	X	X	
		13 Thôn Khuân Cầu	X	X	
		14 Thôn Cao Thượng	X	X	
		15 Thôn Đồng Phong	X	X	
		16 Thôn Trung Phong	X	X	
		17 Thôn Du	X	X	
		18 Thôn Ao Quê	X	X	
		19 Thôn Ao Tán	X	X	
		20 Thôn Phúc Hòa	X	X	
		21 Thôn Tư Thâm	X	X	
		22 Thôn Áp	X	X	
		23 Thôn Đồng Nấm	X	X	
		24 Thôn Bóm	X	X	
		25 Thôn Trại Mật	X	X	
		26 Thôn Trường Sinh	X	X	
		27 Thôn Sàng Nội	X	X	
		28 Thôn Sàng Bến	X	X	
		29 Thôn Đoàn kết		X	
		30 Thôn Thác Do	X	X	
		31 Thôn Cá 1	X	X	
		32 Thôn Cá 2	X	X	
		33 Thôn Cá 3	X	X	
		34 Thôn Muối	X	X	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		35	Thôn Núi Lều	X	X	
		36	Thôn Lim	X	X	
		37	Thôn Trại Mới	X	X	
		38	Thôn Hạ Long		X	
		39	Thôn Bèo	X	X	
		40	Thôn Dọc Mùng	X	X	
		41	Thôn Vành Dây	X	X	
		42	Thôn Chảo	X	X	
		43	Thôn Thái Hòa	X	X	
31	Xã Nhã Nam	3		3	0	0
		1	Thôn Chân Sơn	X		
		2	Thôn Đèo	X		
		3	Thôn Ngàn Ván	X		
32	Xã Cẩm Lý	1		1	0	0
		Thôn Giáp Sơn		X		
33	Xã Lạng Giang		5	5	0	0
		1	Thôn Yên Vinh	X		
		2	Thôn Thống Nhất	X		
		3	Thôn Bén Rộng	X		
		4	Thôn Ống	X		
		5	Thôn Má Bắp	X		

Ghi chú : Dấu “X” tại các cột tương ứng thể hiện thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn miền núi hoặc thôn đặc biệt khó khăn